

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 12-02-2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Phụng

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Sỹ Luận

Ông Phạm Văn Khuyến

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thùy Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tới - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 280/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1995

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước

*Bị đơn:* Bà Thị N, sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:**

*Về quan hệ hôn nhân:* Ông và bà Thị N tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước ngày 08/10/2021. Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Như Ý, sinh ngày 16-10-2021.

Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2024, phát sinh mâu thuẫn, nhiều lần cãi vã. Nguyên nhân do bà Thị N nhắn tin yêu đương với người khác. Sau nhiều lần cãi nhau, không có tiếng nói chung, tháng 3/2024, ông và bà Thị N sống ly thân cho đến nay.

Nay, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình đã trở lên trầm trọng không thể hàn gắn được nên ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng giải quyết cho ly hôn với bà Thị N.

*Về con chung, cấp dưỡng nuôi con:* Khi ly hôn, ông Nguyễn Văn T yêu cầu giao con chung là Nguyễn Như Ý, sinh ngày 16/10/2021 cho bà Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **Về bị đơn bà Thị N:**

Hiện nay, bà Thị N đang chung sống cùng với mẹ ruột là bà Thị V tại thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước. Tòa án tiến hành tổng đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho bà N nhưng bà N đi vắng. Theo lời trình bày của bà Thị V thì bà N đi làm công nhân tại khu công nghiệp B, huyện Đ, tỉnh Bình Phước, thi thoảng có về nhà. Bà V nhận thay các văn bản tố tụng, cam kết giao lại ngay cho bà N. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, bà N không đến Tòa án làm việc, trình bày ý kiến. Thông qua bà Thị V được biết, ông T, bà N có tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L vào năm 2021. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà N chung sống cùng với bà. Đến đầu năm 2024, do hai bên thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, đánh nhau nên ông T bỏ đi nơi khác sinh sống còn bà N, cháu Nguyễn Như Ý vẫn sống cùng với bà ở thôn B, xã L.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Thị N vắng mặt lần thứ hai không có lý do; ông Nguyễn Văn T có đơn xin giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riêng, tỉnh Bình Phước phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ nhận thấy ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu khởi kiện ly hôn với bà Thị N. Theo lời trình bày của ông T, bà Thị V (mẹ bà Thị N), xác minh tại địa phương cho thấy ông T, bà N có mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2024. Điều này, có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa ông T, bà Thị N đã trở lên trầm trọng, mục đích chung sống hạnh phúc không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 55, 56 của Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn T; chấp nhận yêu cầu về nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:*

Ông Nguyễn Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Thị N. Bị đơn thường trú tại thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước. Tòa án nhân dân huyện Phú

Riêng căn cứ các Điều 28; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” và thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[a] Xét yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn T:

Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn T, bà Thị N được hình thành trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước ngày 08/10/2021, là hôn nhân hợp pháp,

Căn cứ, lý do ông T yêu cầu ly hôn với bà N là do vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, không hạnh phúc và đã sống ly thân từ tháng 3/2024 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, bà N không trình bày ý kiến nhưng bà Thị V - mẹ ruột của bà N, cùng chung sống có trình bày về mâu thuẫn vợ chồng, thời gian sống ly thân của ông T, bà N. Xác minh tại địa phương được biết, vợ chồng ông T, bà N có mâu thuẫn, cãi vã và hiện đã sống ly thân. Điều này cho thấy hôn nhân giữa ông T, bà N có sự rạn nứt, mâu thuẫn và việc ly thân thể hiện mối quan hệ vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích chung sống hạnh phúc của hôn nhân không còn. Ông T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Nguyễn Văn T.

[b] Xét yêu cầu về nuôi dưỡng con chung:

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn T có nguyện vọng giao cho chung là cháu Nguyễn Như Ý, sinh ngày 16/10/2021 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Bà N không có quan điểm. Theo xác minh, cháu Nguyễn Như Ý hiện đang sống cùng bà Thị N và bà ngoại là bà Thị V tại thôn B, xã L, huyện P. Cháu Như Ý đang được chăm sóc, giáo dục, phát triển bình thường. Nhằm bảo đảm môi trường sống ổn định cho cháu Ý, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T về việc giao cháu Nguyễn Như Ý cho bà Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà N không có ý kiến, ông T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[c] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về án phí sơ thẩm:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 51; 53; 56; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T ly hôn với bà Thị N.

[2] Về nuôi dưỡng con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Như Ý, sinh ngày 16/10/2021 cho bà Thị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống cùng với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của các con, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011546 ngày 08/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Riềng. Ông T đã hoàn thành nghĩa vụ chịu án phí.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện PR;
- THADS huyện PR;
- Các đương sự;
- UBND xã Long Hà, huyện Phú Riềng;
- UBND xã Tân Thành, huyện Bù Đốp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Thị Phượng**

